



BẢNG NIÊM YẾT LÃI SUẤT CHO VAY MUA VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOÀN THIỆN TẠI ĐIỂM GIỚI THIỆU DỊCH VỤ

Ngày cập nhật: 12/10/2022

| STT | Lãi suất (%/năm) | Lãi suất quá hạn trong trường hợp khoản nợ vay không có lãi | Kỳ hạn (tháng) | Đối tượng áp dụng (**) |
|-----|------------------|---|----------------------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | 34.0668% | 150% lãi suất | 6; 9; 12; 15; 18; 20; 24; 30; 36 | Khách hàng có chứng từ chứng minh thu nhập theo điều kiện của JIVF. |
| 2 | 36.1200% | 150% lãi suất | 6; 9; 12; 15; 18; 20; 24; 30; 36 | Tất cả khách hàng theo điều kiện JIVF |
| 3 | 38.0820% | N/A | 6; 9; 12; 15; 18; 20; 24; 30; 36 | Khách hàng có chứng từ chứng minh thu nhập hoặc khách hàng là nông dân theo điều kiện của JIVF. |
| 4 | 42.1008% | N/A | 6; 9; 12; 15; 18; 20; 24; 30; 36 | Tất cả khách hàng theo điều kiện JIVF |
| 5 | 46.0800% | N/A | 6; 9; 12; 15; 18; 20; 24; 30; 36 | |

Cột (2) Lãi suất được tính theo phương pháp dư nợ giảm dần, trên cơ sở 1 năm là 365 ngày

Cột (3) = 150% x Cột (2)

Cột (5) Tùy từng trường hợp, lãi suất có thể được áp dụng khác nhau đối với cùng 1 đối tượng áp dụng và phụ thuộc vào điều kiện vay hoặc chương trình ưu đãi (nếu có) được JIVF thông báo. Khách hàng cần liên hệ với Nhân viên tư vấn để được tư vấn thêm về Lãi suất áp dụng và Đối tượng áp dụng cụ thể.